

## ĐẶC ĐIỂM CỦA TỪ LÁY TRONG TÁC PHẨM ĐỂ MÈN PHIÊU LƯU KÝ CỦA NHÀ VĂN TÔ HOÀI

Nguyễn Thị Mai Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Hoàng Hương<sup>1</sup>, Hà Thị Thùy Ngân<sup>2</sup>

### TÓM TẮT

*Láy là một phương thức cấu tạo từ quan trọng của tiếng Việt. Từ láy có đặc điểm ngữ âm và ngữ nghĩa khác biệt so với từ ghép. Điều đó góp phần tạo nên những giá trị biểu đạt độc đáo của từ láy trong văn chương. Tô Hoài được xem là một trong những cây đại thụ của nền văn học Việt Nam hiện đại. Để Mèn phiêu lưu ký được đánh giá là thiên đồng thoại xuất sắc nhất của ông. Trong tác phẩm, từ láy được sử dụng khá nhiều và có thể xem là một phương tiện biểu đạt đặc sắc. Với những đặc điểm về cấu tạo và ngữ nghĩa riêng, từ láy trong thiên đồng thoại đã giúp độc giả không chỉ hình dung rõ nét mà còn cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên, cảm xúc nhân vật và thế giới loài vật sống động.*

**Từ khóa:** *Để Mèn phiêu lưu ký, từ láy, đặc điểm ngữ âm, đặc điểm ngữ nghĩa.*

**DOI:** <https://doi.org/10.70117/hdujs.82.12.2025.823>

### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Láy là một phương thức cấu tạo từ quan trọng của tiếng Việt, giúp sản sinh ra khối lượng từ khá lớn bổ sung vào kho từ vựng tiếng Việt. Những đặc điểm về cấu tạo và ngữ nghĩa khác biệt của từ láy so với từ ghép làm cho từ láy trở thành một phương tiện biểu đạt không thể thiếu trong giao tiếp nói chung và văn chương nói riêng.

Tô Hoài được xem là một trong những cây đại thụ của nền văn học Việt Nam hiện đại. Viết cho thiếu nhi, ông được xem là cây bút viết nhiều, viết tốt. Trong đó, *Để Mèn phiêu lưu ký* được đánh giá là thiên đồng thoại xuất sắc nhất của ông, một tác phẩm làm nên “*dáng vẻ đỉnh đạc của nền văn học thiếu nhi nước nhà*” (chữ dùng của Cao Đức Tiến). Với lối viết thông minh, hóm hỉnh; tài năng quan sát và miêu tả độc đáo cùng với việc sử dụng ngôn ngữ giàu hình ảnh, âm thanh và biểu cảm, Tô Hoài đã mở ra trước mắt bạn đọc nhỏ tuổi một thế giới loài vật vô cùng phong phú, sinh động chứa đựng nhiều giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Tác phẩm không chỉ giúp trẻ mở rộng hiểu biết về thế giới xung quanh, giáo dục tình cảm đạo đức, lí tưởng sống cho trẻ, đem đến cho trẻ những nhận thức thẩm mỹ mà còn góp phần phát triển ngôn ngữ cho trẻ.

Với những đặc điểm về cấu tạo và ngữ nghĩa riêng, hệ thống từ láy phong phú và sáng tạo trong tác phẩm *Để Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài đã giúp độc giả không chỉ hình dung rõ nét mà còn cảm nhận sâu sắc về cảnh sắc thiên nhiên, cảm xúc nhân vật và thế giới loài vật sống động, khẳng định ý nghĩa của từ láy đối với việc biểu đạt các giá trị trong văn chương.

<sup>1</sup> Khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức; Email: [nguyenthimaihuong@hdu.edu.vn](mailto:nguyenthimaihuong@hdu.edu.vn)

<sup>2</sup> Lớp K25B ĐHGDMN, khoa Giáo dục, Trường Đại học Hồng Đức

## 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Phương pháp này được sử dụng để tìm hiểu những vấn đề lý thuyết chung về Tô Hoài và tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký*, về từ láy trong tiếng Việt làm cơ sở cho việc triển khai nội dung nghiên cứu.

### 2.2. Phương pháp thống kê, phân loại

Phương pháp này được sử dụng trong quá trình khảo sát vốn từ láy trong các tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài và phân loại thành những tiểu loại từ láy khác nhau.

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khảo sát hệ thống từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài

Nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát hệ thống từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài [3]. Kết quả khảo sát như sau:

**Bảng 1. Kết quả khảo sát hệ thống từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài**

| Chương  | Tổng số từ láy/ tổng số từ | Từ láy đôi       |                   |            | Từ láy ba | Từ láy tư |
|---------|----------------------------|------------------|-------------------|------------|-----------|-----------|
|         |                            | Từ láy hoàn toàn | Từ láy phụ âm đầu | Từ láy vần |           |           |
| 1       | 69/2.094                   | 6                | 48                | 14         |           | 1         |
| 2       | 65/3.623                   | 12               | 47                | 6          |           |           |
| 3       | 25/1.271                   | 3                | 18                | 3          |           | 1         |
| 4       | 66/2.362                   | 9                | 39                | 17         |           | 1         |
| 5       | 93/5.024                   | 21               | 56                | 16         |           |           |
| 6       | 93/3.817                   | 22               | 54                | 17         |           |           |
| 7       | 115/2.826                  | 19               | 72                | 24         |           |           |
| 8       | 49/1.837                   | 9                | 29                | 11         |           |           |
| 9       | 96/3.257                   | 11               | 65                | 20         |           |           |
| 10      | 6/364                      | 0                | 4                 | 2          |           |           |
| Tổng số | 677/26.475                 | 112              | 432               | 130        | 0         | 3         |

### 3.2. Đặc điểm cấu tạo và ngữ nghĩa của từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài

#### 3.2.1. Đặc điểm cấu tạo

##### 3.2.1.1. Xét về số lượng âm tiết

Theo kết quả khảo sát, xét về số lượng âm tiết trong cấu tạo từ láy, chúng tôi thấy trong *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài có hai loại từ láy: từ láy đôi và từ láy tư. Trong tổng số từ láy được thống kê, có tới 674 từ láy đôi và chỉ có 3 từ láy tư. Xét về số lần xuất hiện, từ láy đôi xuất hiện với tần suất 754 lần, còn từ láy tư mỗi từ chỉ xuất hiện 1 lần.

Kiểu từ láy đôi trong thiên đồng thoại của Tô Hoài có 674 từ với số lần xuất hiện là 754 lần. Như vậy, bình quân mỗi từ láy đôi xuất hiện 1,1 lần trong tác phẩm. Điều đó cho thấy, vốn từ láy hết sức phong phú và khả năng sử dụng từ láy sáng tạo, không hề lặp lại của tác giả.

### 3.2.1.2. Xét về sự đồng nhất hay khác biệt trong thành phần cấu tạo từ láy đôi

Dựa trên sự đồng nhất hay khác biệt trong thành phần cấu tạo của các thành tố trong từ láy do cách phối hợp ngữ âm tạo nên, từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* được chia thành các loại nhỏ sau:

#### *Thứ nhất là, từ láy hoàn toàn*

Theo kết quả thống kê có 112 từ láy hoàn toàn với 113 lần xuất hiện, từ láy hoàn toàn chiếm 16,54% tổng số từ láy và chiếm 14,92% tổng số lần xuất hiện.

Xét về mặt ngữ âm, các từ láy hoàn toàn trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* có những đặc điểm chung của quy luật hòa phối ngữ âm trong từ láy (lặp lại hoàn toàn hay lặp lại nhưng có sự biến đổi về thanh điệu và phụ âm cuối theo quy tắc nhất định). Hình thức này được biểu hiện cụ thể như sau:

*Từ láy có hình thức ngữ âm hoàn toàn giống nhau:* Từ láy có hình thức ngữ âm hoàn toàn giống nhau trong *Đế Mèn phiêu lưu ký* có 83 trường hợp, chiếm 74,11% tổng số từ láy hoàn toàn. Có thể kể ra một số từ như: hay hay, chốc chốc, bè bè, khăng khăng, quanh quanh, cong cong, bé bé, khur khur, hui hui, hằm hằm, mờ mờ, băng băng, vèo vèo... Đặc trưng của từ láy thuộc loại này là sự lặp lại toàn bộ âm tiết trong thành tố láy. Trong điều kiện ấy, trọng âm trở thành nét dị biệt trong quan hệ giữa tiếng gốc và tiếng láy, đồng thời cũng tạo nên vẻ đối trong từ. Ở các từ này, trọng âm thường rơi vào tiếng thứ hai, làm cho tiếng này được nhấn mạnh và có trường độ dài còn tiếng thứ nhất được đọc lướt nhẹ và ngắn hơn.

*Từ láy hoàn toàn có sự biến đổi về thanh điệu:* Theo kết quả khảo sát, có 29 từ láy hoàn toàn giữa hai tiếng nhưng khác nhau về thanh điệu, chiếm 25,89% tổng số từ láy hoàn toàn được thống kê. Đó là các từ như: nhong nhóng, cuộn cuộn, khinh khinh, vắng vắng, hòm hòm, len len, liên liên, the the, thui thui, ro ro, tí tí, xam xam... Những từ láy thuộc loại này biến thanh theo quy luật bằng- trắc (nhóm thanh ngang, huyền- nhóm thanh hỏi, sắc, ngã, nặng). Việc biến đổi thanh điệu như thế không chỉ có tác dụng trong việc biểu đạt nội dung ý nghĩa mà còn tạo sự hài hòa về hình thức ngữ âm ở từ láy hoàn toàn trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

Trong tác phẩm của Tô Hoài, từ láy hoàn toàn có sự biến đổi về thanh điệu và âm cuối không xuất hiện.

#### *Thứ hai là, từ láy bộ phận*

Theo kết quả thống kê, trong *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài có 562 từ láy bộ phận với 641 lần xuất hiện, từ láy bộ phận chiếm 83,42% tổng số từ láy và chiếm 85,04% tổng số lần xuất hiện. Đây là kiểu từ láy chiếm tỉ lệ cao và có nhiều giá trị trong việc biểu đạt những ý nghĩa trong tác phẩm. Đặc trưng của loại từ láy này là sự lặp lại một bộ phận nào đó trong hình vị gốc của hình vị láy. Căn cứ vào bộ phận được láy, từ láy trong tác phẩm được chia thành:

*Từ láy phụ âm đầu:* Từ láy phụ âm đầu có 432 từ, chiếm 76,87% trong tổng số từ láy bộ phận được thống kê, chiếm 63,81% tổng số từ láy trong tác phẩm, với 500 lần xuất hiện (66,05%). Như vậy, bộ phận từ láy phụ âm đầu có số lượng và tần số xuất hiện nhiều nhất trong số các loại từ láy đã khảo sát trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký*.

Các từ láy phụ âm đầu được sử dụng trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài có phụ âm đầu kết hợp với nhau khá phong phú, đa dạng, hầu hết các phụ âm đầu đều có mặt:

Phụ âm môi:

/m/: *mát mẻ, mệnh mông, mon men, mỡ màng, mãi mê, mềm mại...*

/b/: *bần bật, bề bộn, bì bõm, bé bỏng, bắt bẻ, bàng bạc...*

/v/: *vuông vắn, vợ vắn, vắng vẻ, vụng về...*

/f/: *phon phớt, pháp phối, phanh phách, phong phanh...*

Phụ âm thanh hầu:

/h/: *hớn hờ, hun hút, hom hem, hì hục, hời han, hung hăng, hùn hoản...*

Phụ âm lưỡi:

/t/: *tấp tễnh, tí ti, tung tăng, tụ tập...*

/tʰ/: *thấp thỏm, thiết tha, thăm thiết, thành thích, thăm thía...*

/d/: *đứng đĩnh, đuểnh đoảng, đứng đắn, đều đặn...*

/n/: *nô nức, náo nức, nung nấu...*

/z/: *dữ dội, dún dẩy, đại dột, đông dài, giậm giật...*

/ʒ/: *rõ rệt, rối rít, rền rĩ, rằm rộ, rạo rức...*

/s/: *xa xôi, xấu xí, xấu xa, xơ xác...*

/ʃ/: *sung sướng, sần sùi, sặc sỡ...*

/c/: *chăm chú, chen chúc, chăm chỉ, chắc chắn...*

/tʃ/: *trơ trụi, trong trẻo...*

/ɲ/: *nhịp nhàng, nhẹ nhàng, nhí nhảnh, nhộn nhịp...*

/l/: *liền liến, lạ lùng, làm lì...*

/k/: *cãi cọ, quanh quẩn, kìn kít...*

/x/: *khẩn khoản, khắc khổ, khao khát...*

/ŋ/: *ngớ ngẩn, ngờ ngác, ngoắt ngoéo...*

/ʎ/: *gầy gù, gât gù, gay go...*

Trong việc tạo ra từ láy âm trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký*, có những phụ âm có khả năng tạo ra nhiều từ láy, cũng có những phụ âm lại khiêm tốn trong việc tạo từ. Chẳng hạn, phụ âm /h/ có khả năng tạo lập 50 từ láy, trong khi đó, phụ âm /ʎ/ chỉ tạo nên 8 từ láy.

*Từ láy vần*: là từ láy trong đó phần vần lặp lại ở cả hai âm tiết, còn phụ âm đầu khác biệt nhau. Căn cứ vào đặc điểm này, chúng tôi thống kê được trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* có 130 từ láy vần với 141 lần xuất hiện, tương đương với 19,20% tổng số từ láy bộ phận trong tác phẩm. Đó là những từ láy như: *bở ngỡ, ung dung, lồm cồm, loay hoay, lưa thưa...* Nguyên tắc cấu tạo của từ láy vần là phần vần trong thành tố gốc và phần vần trong thành tố láy phải giống nhau hoàn toàn, thanh điệu giữa hai thành tố phải tuân theo nguyên tắc cùng âm vực.

### 3.2.2. Đặc điểm ngữ nghĩa

Không giống với từ ghép, các tiếng cấu tạo nên từ láy, có 1 tiếng có nghĩa, 1 tiếng không có nghĩa, cũng có khi cả 2 tiếng đều có nghĩa (trường hợp láy hoàn toàn), hoặc cả 2 tiếng đều không có nghĩa. Khảo sát hệ thống từ láy trong tác phẩm *Đế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài, xét về mối quan hệ ngữ nghĩa giữa các thành tố trong từ láy, chúng tôi phân loại như sau:

### 3.2.2.1. Từ láy xác định được thành tố gốc

Đây là loại từ láy đôi có một thành tố có nghĩa và một thành tố không có nghĩa. Thành tố có nghĩa là thành tố làm nòng cốt, dựa vào nó thành tố láy được tạo thành bằng cách láy lại toàn bộ hay bộ phận các yếu tố của thành tố gốc như: *mát mẻ, dịu dàng, lạnh lùng...* Về mặt ngữ nghĩa, thành tố gốc quyết định ý nghĩa cũng như đặc điểm ngữ pháp của từ láy đó. Nếu thành tố gốc chỉ màu sắc thì ý nghĩa của từ láy cũng chỉ màu sắc, nếu thành tố gốc chỉ tính chất, hành động, thì ý nghĩa của toàn bộ từ láy cũng biểu thị tính chất, hành động. Trong loại từ láy dạng này, thành tố gốc có nghĩa có thể tồn tại một cách độc lập như một từ đơn, khi đó, thành tố láy có tác dụng bổ sung ý nghĩa nào đó cho thành tố gốc.

Theo kết quả khảo sát, chúng tôi thống kê về số lượng và số lần xuất hiện của kiểu từ láy xác định được thành tố gốc (đứng trước hoặc đứng sau) như sau:

|                  | Từ láy có thành tố gốc đứng trước | Từ láy có thành tố gốc đứng sau | Tổng số |
|------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------|
| Số lượng         | 110                               | 21                              | 131     |
| Số lần xuất hiện | 179                               | 35                              | 214     |

Ý nghĩa của tiếng gốc bao giờ cũng mang tính chất khái quát, tổng hợp còn ý nghĩa của từ láy xác định được thành tố gốc bao giờ cũng mang tính chất cụ thể, rõ ràng, với những sắc thái biểu trưng hoặc ý nghĩa tình thái khác nhau, gắn với những văn cảnh cụ thể khác nhau. Chẳng hạn:

(1) “*Nắng vàng rải trên lá cây, vàng một màu tươi lạ lùng, lòng tôi đau như cắt*”. [3; tr.25]

Từ láy “*lạ lùng*” trong câu văn trên có thành tố gốc có nghĩa là hình vị “*lạ*” với ý nghĩa là “*chưa từng được thấy, được biết đến; khác thường; đáng ngạc nhiên, khó hiểu*” [4; tr.692]. Khi kết hợp với thành tố láy tạo nên từ láy “*lạ lùng*”, đặt trong văn cảnh Dế Mèn bị những đứa trẻ bắt vào giỏ mang về làm trò chơi, Dế Mèn nhìn ngắm lần cuối phong cảnh nơi mình ở, vẫn là cỏ cây, vẫn là nắng vàng tươi nhưng hôm nay anh chàng thấy ngạc nhiên như trước đó mình chưa từng thấy. Một từ láy như chứa đựng cả tâm trạng buồn tủi, sợ hãi, không biết có thể quay về chốn cũ của nhân vật trong lúc hoạn nạn.

(2) “*Lại vài mụ Diệc trắng trẻo, béo tròn con quay, lò mò đến*”. [3; tr.87]

Trong câu văn ngắn trên có tới 2 từ láy được sử dụng: *trắng trẻo, lò mò*. Trong đó, từ láy “*trắng trẻo*” có thành tố gốc đứng trước, từ láy “*lò mò*” có thành tố gốc đứng sau. Theo [4; tr.821;] “*mò*” là tự tìm đến, thường là không đường hoàng. “*Trắng*”: màu như màu của vôi, của bông, có màu sáng, phân biệt với cái cùng loại mà sẫm màu hoặc có màu khác [xem 4; tr.1331]. Khi kết hợp với thành tố láy thì “*trắng trẻo*” trở thành từ láy chỉ đặc điểm mang tính chất nhân hóa, miêu tả “*da*” cá Diệc vừa trắng vừa đẹp. Đối lập với vẻ ngoài xinh đẹp, béo tốt của những “*mụ Diệc*” là hành động “*lò mò*” kéo đến một cách chậm chạp, rón rén, không đường hoàng, pha chút sự tò mò để cùng với xóm đầm lầy xem mặt hai nhân vật mới xuất hiện là Mèn và Trũi. Việc tác giả sử dụng 2 từ láy trong cùng một câu văn, lại mang ý nghĩa tình thái đối lập nhau, nhằm dụng ý lột tả cả bản tính nhân vật. Đây là một sự tài tình của nhà văn trong việc quan sát, nắm bắt và miêu tả nhân vật.

(3) “*Ban đêm lão ta ngủ, tôi nghỉ hò la, hát hồng thì tôi lại cặm cùi bí mật đào ngạch*”. [3; tr.138]

Từ láy “*hát hồng*” có thành tố gốc đứng trước là “*hát*” chỉ hành động phát ra âm thanh theo những giai điệu, nhịp điệu nhất định để biểu hiện tư tưởng tình cảm [4; tr.554]. Trong từ láy “*hát hồng*”, ý nghĩa gần như từ “*hát hò*” lại mang hàm ý chê bai những người không chịu làm việc. Đặt ở ngữ cảnh này, người đọc hiểu, hát là công việc của Dế Mèn (lão chim Trá bắt Mèn về hát để trông nhà cho lão), không mang hàm ý chê bai, thậm chí, ẩn sau hành động tưởng chừng vô bổ đó của Mèn là những mưu tính lớn cho sự thoát thân của mình.

### 3.2.2.2. Từ láy không xác định được thành tố gốc

Đây là loại từ láy mà cả hai thành tố đều không có ý nghĩa, không thể tồn tại độc lập. Ý nghĩa của từ láy là ý nghĩa khái quát của cả 2 thành tố tạo nên. Theo kết quả khảo sát, chúng tôi thống kê được trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài có 463 từ láy mà cả hai tiếng đều không có nghĩa. Tuy các thành tố tạo nên từ láy loại này không thể tồn tại độc lập, vì các thành tố này đều không rõ nghĩa từ vựng nhưng khi chúng kết hợp với nhau trong một từ thì lại tạo nên một nội dung ý nghĩa rất rõ ràng. Ví dụ:

(1) “*Tối hôm thứ ba, mẹ đi trước, ba đưa tôi tập tễnh, khắp khởi, nửa lo nửa vui theo sau.*” [3; tr.6]

*Tập tễnh* chỉ cử chỉ, điệu bộ, *khắp khởi* chỉ tâm lí của ba anh em Dế Mèn muốn được ra ở riêng nhưng hiểu rõ và lo lắng bản thân chưa đủ lớn để có thể tự lo cho mình khi không có mẹ.

(2) “*Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hùn hoản bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi.*” [3; tr.8]

*Hùn hoản* trong câu văn trên miêu tả bộ cánh của Dế Mèn ngắn đến mức buồn cười, khó coi.

(3) “*Khi tôi gần tới mạng lưới, nhìn vào các khe đá xung quanh đã thấy lũng củng những nhện là nhện.*” [3; tr.45]

*Lũng củng*: chỉ một sự lộn xộn, không có trật tự, ngăn nắp, dễ đụng vào nhau. Từ láy này rất phù hợp để miêu tả loài nhện trong mạng lưới của chúng.

### 3.2.2.3. Từ láy có hai thành tố đều mang nghĩa

Đây là kiểu từ láy mà thành tố láy được lặp lại hoàn toàn không biến đổi về thanh điệu, âm cuối (sau đây gọi chung là từ láy hoàn toàn) so với thành tố gốc. Theo khảo sát, chúng tôi thống kê được có 83 từ, chiếm 12,26%. Đó là những từ láy hoàn toàn như: *thòm thòm, quanh quanh, cong cong, chùn chùn, bé bé, hằm hằm, mờ mờ, băng băng...* Khi các thành tố kết hợp lại với nhau, thành tố láy sẽ tạo nên một ý nghĩa sắc thái nào đó đối với hành động, trạng thái, tính chất được miêu tả. Khi đó, việc xác định thành tố gốc sẽ dựa vào trọng âm của từ.

Ở đây, cần có sự phân biệt giữa phương thức láy trong phương thức cấu tạo từ với phương thức láy trong phương thức ngữ pháp. Theo [5; tr.14], phương thức láy (trong phương thức ngữ pháp tiếng Việt): “*là lặp lại (hoàn toàn hay bộ phận) thành phần âm thanh của một đơn vị nào đó. Việc lặp lại một từ có thể diễn đạt được ý nghĩa số nhiều (người người, nhà nhà...), ý nghĩa nhiều lần của hoạt động (gật gật, vẫy vẫy, lắc lắc...)*”. Như vậy, đối với những từ dạng lặp theo phương thức ngữ pháp này thì trọng âm rơi vào cả 2 âm tiết. Theo đó, ví dụ dưới đây là hiện tượng lặp ngữ pháp, không phải từ láy.

- “*Bây giờ, nước lùa vào đến đâu đọng đến đấy và cứ dâng dần dần*”. [3; tr.21]

Biểu thị cách thức nước dâng lên từ từ, từng ít một, trọng âm rơi vào cả 2 âm tiết.

Những ví dụ dưới đây là từ láy hoàn toàn:

(1) “*Anh Xiển Tóc vênh hai cái sừng dài như hai chiếc lưng cong cong có khắc từng đốt, chõ xuống mắt tôi.*” [3; tr.32]

Từ láy *cong cong* (trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2), miêu tả sừng anh Xiển Tóc không thẳng nhưng cũng không bị gãy gập.

(2) “*Đôi càng bè bè, nặng nề, trông đến xấu, râu ria gì mà cụt có một mẩu, và mặt mũi thì lúc nào cũng ngẩn ngẩn ngơ ngơ.*” [3; tr.11]

Trong một câu văn, tác giả sử dụng tới 3 từ láy để miêu tả nhân vật Dế Choắt. Từ láy *bè bè* là từ láy hoàn toàn mà trọng âm rơi vào âm tiết thứ 2, miêu tả đôi càng của Dế Choắt có bè ngang rộng.

#### 4. KẾT LUẬN

Như vậy, trên cơ sở khảo sát hệ thống từ láy trong tác phẩm *Dế Mèn phiêu lưu ký* của nhà văn Tô Hoài, nhóm tác giả đã chỉ ra đặc điểm của hệ thống từ láy trong tác phẩm trên các phương diện cấu tạo và ngữ nghĩa. Với việc thống kê số liệu, đồng thời lấy ví dụ cụ thể để minh họa cho những luận điểm nêu ra, bài viết đã bước đầu nghiên cứu những đặc điểm của từ láy trong thiên đồng thoại, từ đó một lần nữa khẳng định ý nghĩa của ngôn từ trong việc biểu đạt các giá trị văn chương.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Đỗ Hữu Châu (2007), *Từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2] Mai Ngọc Chừ (2007), *Nhập môn ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
- [3] Tô Hoài (2009), *Dế Mèn phiêu lưu ký*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
- [4] Hoàng Phê (2014) (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, Hà Nội
- [5] Bùi Minh Toán (2010) (chủ biên), *Giáo trình Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

### CHARACTERISTICS OF REDUPLICATED WORDS IN THE WORK “DIARY OF A CRICKET” OF TO HOAI

Nguyen Thi Mai Huong, Nguyen Thi Hoang Huong, Ha Thi Thuy Ngan

#### ABSTRACT

*Reduplication is an important word formation method in Vietnamese. Reduplicated words have distinct phonetic and semantic characteristics compared to compound words. This contributes to the unique expressive values of reduplicated words in literature. To Hoai is considered one of the leading figures of modern Vietnamese literature. The “Diary of a Cricket” is considered his finest fairy tale. In the work, reduplicated words are used quite frequently and can be seen as a distinctive means of expression. With their unique structural and semantic characteristics, reduplicated words in this fairy tale help readers not only vividly visualize but also deeply feel the nature, the characters' emotions, and the vibrant animal world.*

**Keywords:** *Diary of a Cricket, reduplication, phonetic features, semantic features.*

\* Ngày nộp bài: 17/03/2025; Ngày gửi phản biện: 22/03/2025; Ngày duyệt đăng: 25/12/2025